

ГІАЛ СР ВУА ТЕТ ТРУНГ ТУ - СЛБ СР ВУА НЇ ТНН - ФОНГ ТРАО

Останнє оновлення 19.09.2026 16:45:55

Стартовий список

Ном.	Ім'я	код FIDE	ФЕД.	Рейт.	Age	Клуб/Місто
1	Bùi, Mỹ Nhân G9		PTR	0	9	Phong Trào
2	Đặng, Đình Phúc U10		PTR	0	10	Phong Trào
3	Đặng, Nguyễn Gia Bảo U7		PTR	0	7	Phong Trào
4	Đỗ, Thế Hy U7		PTR	0	7	Phong Trào
5	Đoàn, Bách U9		PTR	0	9	Phong Trào
6	Đoàn, Lập U7		PTR	0	7	Phong Trào
7	Dương, Lê Nhật U10		PTR	0	10	Phong Trào
8	Hồ, Nguyễn Phúc U9		PTR	0	9	Phong Trào
9	Huỳnh, Hiếu U10		PTR	0	10	Phong Trào
10	Huỳnh, Minh Nhật U10		PTR	0	10	Phong Trào
11	Lại, Đức Duy U7		PTR	0	7	Phong Trào
12	Lê, Anh Đức U8		PTR	0	8	Phong Trào
13	Lê, Anh Tài Uop		PTR	0	11	Phong Trào
14	Lê, Bảo Hân G10		PTR	0	10	Phong Trào
15	Lê, Đức Phạm Hùng U9		PTR	0	9	Phong Trào
16	Lê, Khánh Tín U9		PTR	0	9	Phong Trào
17	Lê, Quang Minh U7		PTR	0	7	Phong Trào
18	Lê, Thành Sang U10		PTR	0	10	Phong Trào
19	Lê, Thị Bảo Phương G9		PTR	0	9	Phong Trào
20	Lê, Việt Thiện Nhân U7		PTR	0	7	Phong Trào
21	Lương, Thành Phát Uop		PTR	0	13	Phong Trào
22	Mai, Phạm Hoàng My G8		PTR	0	8	Phong Trào
23	Nguyễn, Bùi Nguyên Khang U9		PTR	0	9	Phong Trào
24	Nguyễn, Công Gia Huy U9		PTR	0	9	Phong Trào
25	Nguyễn, Đức Nguyên Khang U9		PTR	0	9	Phong Trào
26	Nguyễn, Đức Uy Vũ U8		PTR	0	8	Phong Trào
27	Nguyễn, Đăng Khoa U9		PTR	0	9	Phong Trào
28	Nguyễn, Hoàng Bách U7		PTR	0	7	Phong Trào
29	Nguyễn, Hoàng Minh Nhật U9		PTR	0	9	Phong Trào
30	Nguyễn, Hoàng Thiện Uop		PTR	0	16	Phong Trào
31	Nguyễn, Lê Hà Nhi G10		PTR	0	10	Phong Trào
32	Nguyễn, Mai Thanh Trúc G9		PTR	0	9	Phong Trào
33	Nguyễn, Minh Khôi U9		PTR	0	9	Phong Trào
34	Nguyễn, Nam Khôi Uop		PTR	0	11	Phong Trào
35	Nguyễn, Nhật Hiếu U10		PTR	0	10	Phong Trào
36	Nguyễn, Phạm Thủy Tiên G8		PTR	0	8	Phong Trào
37	Nguyễn, Thanh Phúc U8		PTR	0	8	Phong Trào
38	Nguyễn, Thùy Trang Gop		PTR	0	12	Phong Trào
39	Nguyễn, Trung Hậu U7		PTR	0	7	Phong Trào
40	Nguyễn, Tuấn Dũng U8		PTR	0	8	Phong Trào
41	Nguyễn, Tuấn Hưng Uop		PTR	0	11	Phong Trào
42	Phạm, Lê Khánh An Gop		PTR	0	12	Phong Trào
43	Phạm, Minh Khang U8		PTR	0	8	Phong Trào
44	Phạm, Minh Quân U9		PTR	0	9	Phong Trào
45	Phan, Đăng Khoa U7		PTR	0	7	Phong Trào
46	Phan, Như Bách U10		PTR	0	10	Phong Trào
47	Trần, Đăng Huy U7		PTR	0	7	Phong Trào
48	Trần, Hoàng An Nhiên G10		PTR	0	10	Phong Trào
49	Trần, Ngọc Nhân U8		PTR	0	8	Phong Trào
50	Trần, Nhật Thiên Uop		PTR	0	12	Phong Trào
51	Trần, Quang Phúc U10		PTR	0	10	Phong Trào
52	Trần, Quốc Bảo U8		PTR	0	8	Phong Trào
53	Trần, Thị Bảo Uyên G10		PTR	0	10	Phong Trào
54	Trần, Tiến Đạt U9		PTR	0	9	Phong Trào
55	Trần, Tiến Nam U8		PTR	0	8	Phong Trào
56	Võ, Cảnh Đăng Khoa Uop		PTR	0	11	Phong Trào

57	Võ, Công Tùng Lâm U7		PTR	0	7	Phong Trào
58	Võ, Đào Gia Hân G9		PTR	0	9	Phong Trào
59	Võ, Gia Huân U7		PTR	0	7	Phong Trào
60	Vũ, Huỳnh Anh Tú Uop		PTR	0	11	Phong Trào
61	Nguyễn, Minh Quân U10		PTR	0	10	Phong Traof

Всі подробиці турніру знаходяться на <https://chess-results.com/tnr1499694.aspx?lan=12>

сервер Chess-Tournament-Results: Chess-Results